

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc
lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sử dụng
ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về việc Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 123 /TTr-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về dự thảo Nghị quyết ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị *(Chi tiết danh mục theo Phụ lục đính kèm).*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết;

Chỉ đạo rà soát và tổng hợp danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của

Chính phủ trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của địa phương theo phân cấp làm cơ sở cho các đơn vị sự nghiệp công thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VIII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: NN và PTNT, Tài chính;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh,
- Các Sở, ngành: NN&PTNT, TC, KBNN, Cục Thuế;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, TP;
- Báo Quảng Trị, Đài PT-TH;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS;

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Quang

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của Hội đồng ngân dân tỉnh Quảng Trị)

STT	Danh mục
I	Dịch vụ thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật
1	Điều tra, thống kê lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật
2	Thu thập, bảo quản mẫu chuẩn giống trồng trọt
3	Nghiên cứu chọn tạo, phục tráng giống cây trồng
4	Đánh giá, thống kê dịch bệnh, sâu bệnh ảnh hưởng đến sản xuất
5	Phân tích nguy cơ dịch hại đối với thực vật, sản phẩm thực vật nhập khẩu
6	Giám định sinh vật gây hại lạ, sinh vật là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam
7	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định thuốc bảo vệ thực vật
8	Khảo sát nhằm đưa ra biện pháp phòng trừ sinh vật hại thực vật bảo vệ sản xuất
II	Dịch vụ thuộc lĩnh vực chăn nuôi
1	Điều tra, thống kê lĩnh vực chăn nuôi
2	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi.
3	Đánh giá, giám sát chất lượng giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và chế phẩm sinh học xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi.
III	Dịch vụ thuộc lĩnh vực thú y
1	Điều tra, thống kê lĩnh vực thú y
2	Chẩn đoán thú y, thẩm định an toàn dịch bệnh
3	Đánh giá an toàn dịch bệnh
IV	Dịch vụ thuộc lĩnh vực lâm nghiệp
1	Bảo vệ rừng và phát triển rừng
2	Bảo vệ và cứu hộ thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; phục hồi sinh thái và tài nguyên rừng
3	Điều tra, khảo sát thuộc lĩnh vực lâm nghiệp



4	Thống kê, kiểm kê thuộc lĩnh vực lâm nghiệp; theo dõi, giám sát diễn biến tài nguyên rừng và đa dạng sinh học; xây dựng bản đồ về lâm nghiệp; cơ sở dữ liệu lâm nghiệp
V	Dịch vụ thuộc lĩnh vực thủy sản
1	Điều tra thuộc lĩnh vực thủy sản
2	Thông tin, thống kê, dự báo và ứng dụng công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực thủy sản
3	Nuôi giữ giống gốc; phát triển giống thủy sản
VI	Dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý chất lượng
1	Điều tra lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm thủy sản
VII	Dịch vụ thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai
1	Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn
2	Đánh giá, dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng nguồn nước phục vụ chỉ đạo, điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt nông thôn và các ngành kinh tế khác trên các lưu vực sông
3	Điều tra, thống kê, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin; xây dựng kế hoạch, phương án phục vụ công tác quản lý, định hướng phát triển thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai
4	Xây dựng bản đồ phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai
5	Duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì, quản lý, vận hành các công trình thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn
6	Thu thập số liệu, phân tích để dự báo, cảnh báo về rủi ro thiên tai
7	Tập huấn, đào tạo, truyền thông trong công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn
VIII	Dịch vụ sự nghiệp khác
1	Thông tin, tuyên truyền; đào tạo; tập huấn; xây dựng dự án, mô hình trình diễn; chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật trên các lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; đào tạo sơ cấp nghề, đào tạo nghề dưới 03 tháng
2	Hoạt động xúc tiến thương mại nông, lâm, thủy sản
3	Điều tra các lĩnh vực phát triển nông thôn và chế biến